

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **196/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 20 tháng 12 năm 2023

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Toàn

2. Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Tạ Kim Oanh - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 546/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 571/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023, về việc tranh chấp: “Ly hôn”, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị N, sinh năm 1991

Địa chỉ: Số A, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (Có đơn yêu cầu vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Lê Văn Cà Uôl E, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số A, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Nơi ở hiện nay: Số B, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Nguyên đơn chị Dương Thị N trình bày ý kiến và yêu cầu khởi kiện: Chị và anh Lê Văn Cà Uôl E do quen biết và đi đến hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 18/3/2021, đăng ký kết hôn lần 2. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc

đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên tranh cãi, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Nay, chị N yêu cầu tòa xem xét giải quyết:

+ Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn Cà Uôl E.

+ Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Lê Thị Kiều N1, sinh ngày 06/5/2010 và Lê Dương Kiều L, sinh ngày 10/7/2021. Hiện nay, con đang sống cùng chị nên sau khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con. Không yêu cầu anh Lê Văn Cà Uôl E cấp dưỡng nuôi con.

+ Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đồng thời, ngày 13/11/2023, chị Dương Thị N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt vì công việc nên không tham gia phiên tòa.

** Bị đơn anh Lê Văn Cà Uôl Em vắng mặt suốt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày*

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Dương Thị N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt; Bị đơn anh Lê Văn Cà Uôl Em được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không tham dự phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn giữa chị Dương Thị N với anh Lê Văn Cà Uôl E. Về quan hệ con chung sau khi ly hôn giao con chung Lê Thị Kiều N1, sinh ngày 06/5/2010 và Lê Dương Kiều L, sinh ngày 10/7/2021 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng không có yêu cầu nên không xem xét. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung do không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn chị Dương Thị N có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của chị N là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[1.2] Anh Lê Văn Cà Uôl E mặc dù được tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng anh Cà Uôl E vẫn không tham dự phiên tòa nên vụ án được tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Chị Dương Thị N khởi kiện xin ly hôn với anh Lê Văn Cà Uôl E đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

[3.1] Theo đơn khởi kiện, ý kiến trình bày tại các buổi làm việc tại tòa án, chị Dương Thị N có ý kiến về quan hệ hôn nhân giữa chị và anh Lê Văn Cà Uôl E kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 31 ngày 18/3/2021, đây hôn nhân lần 2 của anh chị. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh Uôl E thường xuyên cờ bạc, không chăm lo cho gia đình, cả hai đã sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay.

[3.2] Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù anh Lê Văn Cà Uôl E được tổng đạt các văn bản nhưng anh Cà U Em không đến Tòa án cũng như không có ý kiến đối với việc chị N xin ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy, chị N đã từng gửi đơn đến tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Lê Văn Cà Uôl E, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên đã ban hành Quyết định công thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 96/2014/QĐST-HNGĐ ngày 16/5/2014. Theo chị N trình bày sau khi tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn của anh chị thì cả hai quyết định quay lại sống cùng với nhau, cả hai có đăng ký kết hôn lại với nhau nhưng từ khi về sống cùng anh Cà Uôl E tính tình vẫn không thay đổi, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai không còn tiếng nói chung và không có giải pháp nhằm hàn gắn, duy trì cuộc hôn nhân.

[3.3] Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân giữa chị N và anh Cà Uôl E không còn sự quan tâm, vợ chồng không còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ với nhau, cũng như không có giải pháp nhằm hàn gắn, duy trì cuộc hôn nhân. Trong cuộc sống hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện, chị N không đồng ý tiếp tục chung sống cùng với anh Cà Uôl E. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị N với anh Lê Văn Cà Uôl E.

[4] Về con chung: Chị N cung cấp chứng cứ và trình bày trong thời gian chung sống với nhau anh chị có 02 (hai) con chung tên Lê Thị Kiều N1, sinh ngày 06/5/2010 và Lê Dương Kiều L, sinh ngày 10/7/2021. Sau khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Cà Uôl E cấp dưỡng nuôi con.

[4.1] Hội đồng xét chị N có ý kiến liên quan đến việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con nhưng anh Cà Uôl E mặc dù được tổng đạt các văn bản của Tòa án nhưng

không có ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét về lợi ích mọi mặt nhằm đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không bị xáo trộn và tránh việc ảnh hưởng đến tâm sinh lý của các cháu sau khi cha mẹ ly hôn. Đồng thời, phù hợp với ý kiến của cháu Kiều N1 mong muốn sống cùng với mẹ tại biên bản ghi nhận ý kiến con chung do Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên lập ngày 25/10/2023 nên Hội đồng chấp nhận đối với yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị N.

[4.2] Đối với việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, chị N là người trực tiếp nuôi con và chị N xác định không đặt ra yêu cầu anh Cà Uôl E phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị N trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng anh Cà Uôl E vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị N phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 92, Điều 143; Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 186; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 232; điểm b khoản 1 Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị N đối với anh Cà Uôl E

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Dương Thị N với anh Cà Uôl E

Giấy chứng nhận kết hôn số 31 do Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang cấp ngày ngày 18/3/2021 cho chị Dương Thị N, anh Cà Uôl E hết hiệu lực kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Lê Thị Kiều N1, sinh ngày 06/5/2010 và Lê Dương Kiều L, sinh ngày 10/7/2021. Sau khi ly hôn, chị N nuôi dưỡng con chung cháu Lê Thị Kiều N1 và cháu Lê Dương Kiều L đến lúc trưởng thành.

Anh Cà Uôi E không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Dương Thị N không có yêu cầu.

Chị N phải tạo điều kiện cho anh Cà Uôi E trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Việc cấp dưỡng và nuôi con chung không cố định.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

4.1. Chị Dương Thị N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002308 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên ngày 03 tháng 10 năm 2023. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

4.2. Anh Lê Văn Cà Uôi E không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

* Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư ngụ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự “Đề thi hành”;
- VKSND.TPLX;
- TAND.An Giang;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: hồ sơ;VP.

Trịnh Ngọc Thúy

